

Số: 2732 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 - 2028

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 89/TTr-SLĐTBXH ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc ban hành Quyết định phê duyệt danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 - 2028.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 - 2028, như sau:

(Có danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo quy định.

2. Định kỳ hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung danh mục nghề đào tạo cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn (nếu có).

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm lựa chọn nghề phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu học nghề của người lao động để lập kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VX_{GDNN40}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: DANH MỤC NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, ĐÀO TẠO DƯỚI 03 THÁNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

GIẢI ĐOẠN 2024 - 2028

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Danh mục nghề đào tạo	Ghi chú
I	NHÓM NGHỀ NÔNG - LÂM - THỦY SẢN	
1	Trồng cây ăn quả	
2	Trồng lúa năng suất cao	
3	Trồng cây lương thực, thực phẩm (ngô, khoai, sắn, lạc, đậu)	
4	Trồng rau an toàn	
5	Trồng nấm	
6	Trồng hoa, cây cảnh	
7	Sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp	
8	Trồng cây dược liệu	
9	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm (gà, ngan, vịt,...)	
10	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc (trâu, bò,...)	
11	Trồng tre lấy măng	
12	Thú y	
13	Nuôi ong mật	
14	Bảo vệ thực vật	
15	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	
16	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	
17	Chế biến và bảo quản thủy sản	
18	Chẩn đoán nhanh bệnh động vật thủy sản	
19	Quản lý, khai thác công trình thủy lợi	
20	Nghề khác (cùng nhóm nông, lâm, thủy sản)	
II	NHÓM NGHỀ CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG	
1	Sửa chữa ô tô	
2	Công nghệ ô tô	
3	Vận hành máy lu	
4	Vận hành máy xúc	
5	Vận hành máy ủi	
6	Hàn 3G	
7	Hàn công nghệ cao	
8	Hàn điện - Hàn hơi	

STT	Danh mục nghề đào tạo	Ghi chú
9	Sửa chữa điện ô tô	
10	Sửa chữa xe máy	
11	Sửa chữa điện lạnh	
12	Phay - Bào	
13	Tiện CNC	
14	Phay CNC	
15	Sửa chữa thiết bị may	
16	Sửa chữa điện nước	
17	Điện dân dụng	
18	Điện công nghiệp	
19	Quản lý vận hành điện	
20	Điện tử dân dụng	
21	Điện tử công nghiệp	
22	Cơ khí - hàn	
23	Vận hành xe nâng hàng	
24	Sửa chữa máy nông nghiệp	
25	Cốt thép - Hàn	
26	Cốt pha - Giàn giáo	
27	Kỹ thuật xây dựng	
28	Nề - Hoàn thiện	
29	Cấp, thoát nước	
30	Máy công nghiệp	
31	Nguội cơ bản	
32	Giày da	
33	Bê tông	
III	NHÓM NGHỀ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP	
1	Mộc mỹ nghệ	
2	Đan lát thủ công (<i>mây tre đan, mây giang</i>)	
3	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ bèo tây, bẹ chuối, cói,...	
4	Dệt thổ cẩm	
5	Đan thảm cói mỹ nghệ	
6	Mộc dân dụng	
7	Nghề khác (<i>cùng nhóm nghề tiểu thủ công nghiệp</i>)	
IV	NHÓM NGHỀ DỊCH VỤ	
1	Lái xe ô tô hạng C	
2	Lái xe hạng ô tô B2	

STT	Danh mục nghề đào tạo	Ghi chú
3	Điều khiển tàu biển	
4	Khai thác máy tàu thủy	
5	Nhóm truyền hình (<i>Sản xuất chương trình, Kỹ thuật sản xuất chương trình, phóng viên, biên tập,...</i>)	
6	Vi tính văn phòng	
7	Dịch vụ chăm sóc gia đình	
8	Kỹ thuật chế biến món ăn	
9	Kỹ thuật pha chế và phục vụ đồ uống	
10	Nghiep vụ lễ tân	
11	Nghiep vụ nhà hàng	
12	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	
13	Nghiep vụ du lịch gia đình	
14	Chăm sóc sắc đẹp	
15	Tạo mẫu tóc	
16	Giám đốc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.	
17	Nghề khác (cùng nhóm nghề dịch vụ)	